**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN**

**BÀI : SỐ CHẴN, SỐ LẺ (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS vận dụng để thực hành tìm các số chẵn, số lẻ trong dãy số từ 1 đến 100 (bài tập 1) và biết được từ 1 đến 100 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ.

- HS nhận biết được các số chẵn chia hết cho 2, các số lẻ không chia hết cho 2 (BT 2; 3).

- HS biết lập luận hợp lý trước khi đưa ra kết luận ví dụ minh họa ở BT 3 và BT 4.

**2. Năng lực chung.**

- Tự học – Tự giải quyết vấn đề: HS nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề trong các hoạt động của bài học.

- Giao tiếp – hợp tác: Hs thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

**3. Phẩm chất.**

- Trách nhiệm: Có tinh thần trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ được phân công.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Các thẻ số dùng cho phần khởi động, bộ thẻ số cho bài thực hành 2 câu b, bảng số cho bài luyện tập 1, thẻ từ cho bài luyện tập 2 và 3. Hình vẽ phần Vui học (nếu cần)

- HS: Các thẻ số dùng cho phần khởi động, bộ thẻ số cho bài thực hành 2 câu b

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi: Hộp quà bí mật  |
| - GV cho HS lên chọn một hộp quà mà em thích trong hộp quà có các câu hỏi: - Viết 3 số chẵn có hai chữ số; viết ba số lẻ có 3 chữ số; nêu đặc điểm nhận biết số chẵn, số lẻ. - Tổng kết trò chơi, dẫn dắt vào bài học. | - Yêu cầu 3 HS lên chọn hộp quà và thực hiện các yêu cầu của Ban học tập. - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn.  |
| **2. Hoạt động Luyện tập (20 phút)**a. Mục tiêu: HS thực hành tìm các số chẵn, số lẻ trong dãy số từ 1 đến 100; biết được các số chẵn chia hết cho 2, các số lẻ không chia hết cho 2; biết lập luận hợp lý trước khi đưa ra kết luận ví dụ minh họa ở hoạt động.  b. Phương pháp, hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm đôi, hỏi – đáp.  |
| **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu bài - HS làm việc cá nhân - Chia sẻ nhóm đôi sau đó chia sẻ cả lớp Gv hỏi thêm các số chẵn có đặc điểm gì? Các số lẻ có đặc điểm gì? - Cách tìm số chẵn, số lẻ.- Chốt kiến thức**Bài 2:** - Gọi HS đọc yêu cầu bài - HS làm việc nhóm đôi sau đó chia sẻ cả lớp - GV nhận xét yêu cầu HS nêu dấu hiệu chia hết cho 2. **Bài 3:** - Gọi HS đọc yêu cầu bài - HS làm việc cá nhân sau đó chia sẻ cả lớp - GV chốt dấu hiệu nhận biết các số chia hết cho 2 và các số không chia hết cho 2.**Bài 4:** - HS làm xong bài 3 tự đọc bài 4 và trả lời câu hỏi- Yêu cầu HS giải thích. - Nhận xét.  | **Hđ cá nhân**a) Các số bị che là: 6; 7; 61; 62; 63; 64; 65; 98; 99Các số chẵn: 6; 62; 64; 98Các số lẻ: 7; 61; 63; 65; 99b) Từ 1 đến 100 có 50 số chẵn. **Hđ nhóm đôi, viết vào bảng nhóm** a) 10 : 2 = 5 22 : 2 = 11 14: 2 = 736 : 2 = 18 58 : 2 = 29 11 : 2 = 5 dư 1 13 : 2 = 6 dư 125 : 2 = 12 dư 1 17 : 2 = 8 dư 1b) Các số chia hết cho 2 có tận cùng là các chữ số 0; 2; 4; 6; 8Các số không chia hết cho 2 có tận cùng là các chữ số 1; 3; 5; 7; 9.**Hđ cá nhân làm vào vở** Các số chia hết cho 2 là: 106; 8; 32; 98130; 2734. 1 HS làm bảng nhóm chia sẻ cả lớp. Hđ cá nhân, trả lời miệng:Số bạn của nhóm đó là số chẵn vì nhóm bạn được chia đều thành 2 đội có nghĩa là số đó chia hết cho 2.  |
| **3. Hoạt động vận dụng (5 phút) Vui học Toán**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi  |
| - GV chia lớp thành 2 đội, mỗi đội chọn 5 bạn cầm các thẻ số nhà và 2 bạn tham gia trò chơi.- GV phổ biến cách chơi, luật chơi- Tổng kết trò chơi: GV giáo dục HS khi tham gia giao thông luôn đi ở bên phải đường. Và các nhà mang số chẵn ở bên phải hay trái là tùy thuộc vào hướng đi mà em xuất phát.  | - HS chia lớp thành hai đội và tham gia chơi như HD sách giáo khoa. Ví dụ: Số chẵn: 24; 26; 28; 30; 32.Số lẻ: 23; 25; 27; 29; 31. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (2 phút)** |
| - GV cho HS 1 phút để nêu lại những nội dung em đã học được qua bài học hôm nay. - Tổng kết, dặn dò: Xem bài 5.  | - HS có thời gian 1 phút để trình bày những nội dung em đã học được qua bài học. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................